

TỦ SÁCH GIÁ XÂY DỰNG



CHUYÊN ĐỀ: NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Kèm theo trả lời của BXD về nghiệm thu, giám sát công trình xây dựng)

Tài liệu lưu hành nội bộ

Hà Nội - 2011

MỤC LỤC¹

CÂU HỎI 1: THÀNH PHẦN KÝ NGHIỆM THU.....	2
CÂU HỎI 2:BỘ XÂY DỰNG TRẢ LỜI VỀ VIỆC THÀNH PHẦN THAM GIA NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	4
CÂU HỎI 3: BỘ XÂY DỰNG TRẢ LỜI VỀ BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH	7
CÂU HỎI 4: BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC XÂY DỰNG SỐ 4A – NGHỊ ĐỊNH 209/2004/NĐ-CP	9
CÂU HỎI 5: NHỮNG BIÊN BẢN CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI KÝ.....	11
CÂU HỎI 6: VỀ VIỆC LÀM RÕ TRÁCH NHIỆM CỦA TƯ VẤN GIÁM SÁT KHI XÁC NHẬN CÁC PHỤ LỤC NÊU TẠI THÔNG TƯ SỐ 06/2007/TT-BXD.....	12
CÂU HỎI 7: QUYỀN GIÁM SÁT TÁC GIẢ.....	14
CÂU HỎI 8: CÔNG TÁC LẬP BIÊN BẢN NGHIỆM THU	15
CÂU HỎI 9: HƯỚNG DẪN GHI NHẬT KÝ THI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG....	16
CÂU HỎI 10: HIỂU VỀ BỘ PHẬN GIÁM SÁT THI CÔNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ:.....	17
CÂU HỎI 11: NHIỆM VỤ CỦA GIÁM SÁT TÁC GIẢ.....	19
CÂU HỎI 12: THAM GIA NGHIỆM THU CỦA NHÀ THẦU THIẾT KẾ	20
CÂU HỎI 13: VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG..	21
CÂU HỎI 14: VẤN ĐỀ QUY ĐỊNH VỀ BẢN GỐC, BẢN CHÍNH, BẢN SAO VÀ SỐ LƯỢNG HỒ SƠ HOÀN CÔNG.....	22
CÂU HỎI 15: GIẢI THÍCH NỘI DUNG MỤC D KHOẢN 1 ĐIỀU 24 CỦA NGHỊ ĐỊNH 209/2004/NĐ-CP	24

¹ Biên soạn: Daipv78@gmail.com

CÂU HỎI 1: THÀNH PHẦN KÝ NGHIỆM THU

1. Việc nghiệm thu vật liệu xây dựng trước khi đưa vào sử dụng trong công trình ở TCXDVN 371-2006 và Nghị định 209/2004/NĐ – CP có quy định khác nhau, việc này thực hiện như thế nào?”.

2. Trong công tác nghiệm thu công việc, thành phần trực tiếp ký nghiệm thu của nhà thầu thi công là người phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp, người đó có phải là chỉ huy trưởng công trình tham gia và bắt buộc phải ký tên trong các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng hay không? Nếu không thì không cần thiết phải có chức danh chỉ huy trưởng công trường?”.

3. Trường hợp Chỉ huy trưởng công trường ủy quyền cho người không đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trường (không có bằng cấp chuyên môn) ký toàn bộ biên bản nghiệm thu và chịu trách nhiệm trước mình, công ty, pháp luật về chất lượng, tiến độ, an toàn lao động là đúng hay sai?”.

Sau khi nghiên cứu, Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng có ý kiến như sau:

1. Theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP thì Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình thông qua việc:

- Kiểm tra giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, kết quả thí nghiệm, kết quả kiểm định.

- Thực hiện kiểm tra trực tiếp vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình trong trường hợp có nghi ngờ về chất lượng.

Nghị định số 209/2004/NĐ-CP không hạn chế việc nghiệm thu vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình như TCXDVN 371-2006 đã quy định. Vì vậy Chủ đầu tư có quyền tổ chức nghiệm thu theo TCXDVN 371-2006 nếu thấy cần. Tuy nhiên việc nghiệm thu này nên được thống nhất ngay từ đầu với các đơn vị tham gia xây dựng công trình.

2. Trong công tác nghiệm thu, Nghị định 209/2004/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định 3 bước nghiệm thu là:

- Nghiệm thu công việc xây dựng.

- Nghiệm thu bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng (gọi tắt là nghiệm thu Bộ phận – giai đoạn).

- Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng đưa vào sử dụng (gọi tắt là nghiệm thu Hạng mục – Công trình hoàn thành).

Đối với bước nghiệm thu công việc xây dựng, người ký biên bản nghiệm thu công việc về phía nhà thầu là cán bộ kỹ thuật thi công trực tiếp công việc được nghiệm thu.

Đối với bước nghiệm thu Bộ phận – giai đoạn, theo Nghị định 209/2004/NĐ-CP của Chính phủ thì người ký biên bản nghiệm thu này về phía nhà thầu là người phụ trách thi công trực tiếp của nhà thầu (có thể là Tổ trưởng tổ quản lý chất lượng, Trưởng phòng kỹ thuật của nhà thầu hoặc Chỉ huy trưởng công trường nếu được phân công phụ trách kỹ thuật).

Đối với bước nghiệm thu Hạng mục – công trình hoàn thành, theo Nghị định 209/2004/NĐ-CP của Chính phủ thì người ký biên bản nghiệm thu này về phía nhà thầu là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu và người phụ trách thi công trực tiếp của nhà thầu. Người phụ trách thi công trực tiếp ký ở bước nghiệm thu này là người chịu trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo việc thi công tại hiện trường toàn bộ hạng mục hoặc công trình được nghiệm thu (chỉ huy trưởng công trường).

Theo Điều 64 của Nghị định 16/2005/NĐ-CP thì chức danh Chỉ huy trưởng công trường là một trong những điều kiện bắt buộc phải có để xác định điều kiện năng lực của nhà thầu, để lựa chọn nhà thầu có năng lực phù hợp với phạm vi công việc.

3. Trước tiên phải khẳng định việc ủy quyền trên là vi phạm quy định của pháp luật vì thứ nhất người được ủy quyền không có năng lực phù hợp với công việc được ủy quyền, thứ hai là người được ủy quyền chỉ chịu trách nhiệm trước người ủy quyền, người ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước công ty, trước pháp luật về các công việc mà người được ủy quyền thực hiện.

CÂU HỎI 2:BỘ XÂY DỰNG TRẢ LỜI VỀ VIỆC THÀNH PHẦN THAM GIA NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

*Qua hòm thư điện tử của Trung tâm tin học,*Cục Giám định Nhà nước về Chất lượng Công trình xây dựng đã nhận được câu hỏi của Ông Lê Tuấn Kiệt, địa chỉ Email (kietqmt@yahoo.com (mailto:kietqmt@yahoo.com)) hỏi: về việc thành phần tham gia nghiệm thu công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng. Về vấn đề này, sau khi nghiên cứu* Cục Giám định Nhà nước về Chất lượng Công trình xây dựng có ý kiến như sau:*

1. Để tăng cường trách nhiệm của Chủ đầu tư về quản lý chất lượng công trình xây dựng, các quy định của Luật Xây dựng, Nghị định 209/2004/NĐ-CP, Thông tư 12/2005/T-BXD ngày 15/7/2005 của Bộ Xây dựng “Hướng dẫn một số nội dung về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân* trong hoạt động xây dựng” không quy định Chủ đầu tư thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp Tỉnh, cấp Huyện, cấp Xã, cấp Bộ, cấp Tổng công ty, cấp Tập đoàn hay cấp Công ty mà Chủ đầu tư phải trực tiếp nghiệm thu khi hoàn thành hạng mục công trình hay hoàn thành công trình. Các thành phần tham gia nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng không phân biệt nguồn vốn được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Nghị định 209/2004/NĐ-CP và khoản 3.8 mục II của Thông tư 12/2005/TT-BXD thực hiện nghiệm thu mà không thành lập Hội đồng nghiệm thu công trình. Ngoài các thành phần trực tiếp nghiệm thu này, Chủ đầu tư có thể mời thêm các thành phần khác chứng kiến việc nghiệm thu nhưng không ký vào Biên bản nghiệm thu.

2. Các thành phần tham gia nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng không phân biệt nguồn vốn nêu trên được quy định cụ thể như sau:

2.1. Phía chủ đầu tư: (ghi tên tổ chức, cá nhân). Thí dụ: Công cổ phần thủy điện Phong Điền.

a) Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư: (ghi rõ họ và tên, chức vụ). Thí dụ: Ông Nguyễn Văn A- Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Phong Điền.

b) Người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư: (ghi rõ họ và tên, chức vụ). Thí dụ: Ông Lê Văn B.- Giám đốc Ban quản lý dự án thủy điện Phong Điền hoặc Giám đốc tư vấn quản lý dự án thủy điện Phong Điền (nếu chủ đầu tư thuê)

c) Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình: (ghi rõ họ và tên, chức vụ). Thí dụ: Ông Bùi C.- Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng thủy điện.

d) Người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình: (ghi rõ họ và tên, chức vụ). Thí dụ: Ông Phạm D.- Trưởng đoàn tư vấn giám sát tại công trình-KS của Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng thủy điện.

2.2. Phía nhà thầu thi công xây dựng công trình: (ghi tên tổ chức, cá nhân). Thí dụ: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 1- Tổng công ty ABC.

- Người đại diện theo pháp luật: (ghi rõ họ và tên, chức vụ). Thí dụ: Ông Võ Văn T.- Giám đốc.

- Người phụ trách thi công trực tiếp: (ghi rõ họ và tên, chức vụ). Thí dụ: Ông Trần văn H.- Chỉ huy trưởng công trường.

2.3. Phía nhà thầu thiết kế xây dựng công trình tham gia nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng công trình: (ghi tên tổ chức, cá nhân). Thí dụ: Công ty cổ phần thiết kế công trình thủy điện.

- Người đại diện theo pháp luật: (ghi rõ họ và tên, chức vụ). Thí dụ: Ông Hoàng Văn M.- Giám đốc.

- Chủ nhiệm thiết kế: (ghi rõ họ và tên, chức vụ). Thí dụ: Ông Lê Văn N.- KTS.

2.4. Phía chủ* quản lý sử dụng* hoặc chủ sở hữu công trình tham dự nghiệm thu (ghi tên tổ chức, cá nhân). Thí dụ: Nhà máy thủy điện Phong Điền.

- Người đại diện theo pháp luật: (ghi rõ họ và tên, chức vụ). Thí dụ: Ông Lê Văn T.- Giám đốc.

2.5. Các khách mời chứng kiến việc nghiệm thu (ghi rõ họ và tên, chức vụ) nhưng không ký vào Biên bản nghiệm thu.

3. Một số quy định về người ký kết Hợp đồng xây dựng và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng.

3.1. Người ký kết là người đại diện theo pháp luật. Người này là người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ pháp nhân hoặc quyết định của cơ quan

nhà nước có thẩm quyền (Điều 141 của Bộ Luật Dân sự). Cá nhân, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân có thể uỷ quyền cho người khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi có thể là người đại diện theo uỷ quyền, trừ trường hợp pháp luật quy định giao dịch dân sự phải do người từ đủ mười tám tuổi trở lên xác lập, thực hiện (Điều 143 của Bộ Luật Dân sự).

Đại diện theo uỷ quyền là đại diện được xác lập theo sự uỷ quyền giữa người đại diện và người được đại diện. Người đại diện theo pháp luật có quyền xác lập, thực hiện mọi giao dịch dân sự vì lợi ích của người được đại diện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Phạm vi đại diện theo uỷ quyền được xác lập theo sự uỷ quyền.

Người đại diện chỉ được thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện.

Người đại diện phải thông báo cho người thứ ba trong giao dịch dân sự biết về phạm vi đại diện của mình.

Người đại diện không được xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự với chính mình hoặc với người thứ ba mà mình cũng là người đại diện của người đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Giấy uỷ quyền: *Hình thức uỷ quyền do các bên thoả thuận, trừ trường hợp pháp luật quy định việc uỷ quyền phải được lập thành văn bản (giấy uỷ quyền) phải ghi rõ số l*ưu, thời gian viết uỷ quyền, chức vụ người ký giấy uỷ quyền, đồng thời phải ghi rõ họ tên; chức vụ số Chứng minh nhân dân (CMND) của ng*ười đ*ược uỷ quyền, nội dung phạm vi công việc uỷ quyền và thời hạn uỷ quyền.

Cục Giám định Nhà nước về Chất lượng Công trình xây dựng

CÂU HỎI 3: BỘ XÂY DỰNG TRẢ LỜI VỀ BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Hỏi:

Tại điểm a khoản 1 điều 26 Nghị định 99/2007/NĐ-CP có nêu về Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng như sau:

"... Hồ sơ thanh toán do bên nhận thầu lập bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, Bên giao thầu và tư vấn giám sát (nếu có)".

Nhưng tại điểm 2.8.7 mục II của Thông tư 06/2007/TT-BXD lại nêu về Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng như sau:

"... Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành (biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng) tương ứng với khối lượng theo hợp đồng đó ký cho giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;"

Đề nghị Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cho biết rõ: Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành (biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng) hoặc Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán, cần thiết phải có xác nhận của đại diện các bên nào vì Nghị định 99/2007/NĐ-CP dùng từ " và tư vấn giám sát (nếu có)" còn ở Thông tư 06/2007/TT-BXD lại dùng từ "hoặc tư vấn giám sát (nếu có)".

Về vấn đề nêu trên, sau khi nghiên cứu, Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng có ý kiến như sau:

Trong các Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng (mẫu phụ lục 4A), nghiệm thu bộ phận công trình, giai đoạn xây dựng (mẫu phụ lục 5A) và nghiệm thu hạng mục công trình và công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng (mẫu Phụ lục 7) của Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng không yêu cầu phải có khối lượng cụ thể của các công việc thực hiện là vì các lý do sau:

a) Việc tính toán cụ thể khối lượng các công việc thực hiện không thể tính ngay được tại thời điểm nghiệm thu. Nếu yêu cầu phải tính toán tại chỗ thì rất khó chính xác và sẽ gây khó khăn cho chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng trong việc thanh toán.

b) Việc không nêu cụ thể khối lượng công việc thực hiện không có nghĩa là không nghiệm thu khối lượng đối tượng được nghiệm thu. Trong các mẫu *Biên bản nêu trên luôn luôn yêu cầu ghi rõ tên công việc, bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng được nghiệm thu và vị trí xây dựng trên công trình*. Bởi vậy, nếu **chỉ cần dựa trên bản vẽ hoàn công công việc, bản vẽ hoàn công bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng thì người phụ trách thi công trực tiếp của nhà thầu thi công xây dựng tính toán được khối lượng cụ thể để thanh toán.**

Làm được như vậy thì chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng có thời gian tính toán, kiểm tra và đối chiếu với khối lượng tính toán theo bản vẽ thiết kế và dự toán đã được phê duyệt được chính xác hơn.

Bản tính khối lượng thanh toán phải có sự xác nhận của Người đại diện theo quy định pháp luật của Bên giao thầu và của Bên nhận thầu. *Nếu trong hợp đồng giám sát thi công xây dựng mà nhà thầu giám sát thi công xây dựng nhận quản lý và nghiệm thu khối lượng thì Người đại diện theo quy định pháp luật của nhà thầu này cũng phải xác nhận vào bản tính khối lượng thanh toán.*

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

CÂU HỎI 4: BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC XÂY DỰNG SỐ 4A – NGHỊ ĐỊNH 209/2004/NĐ-CP

Câu hỏi:

Công dân Trần Minh, địa chỉ Email (tranminhvinaincon@yahoo.com) hỏi: “Tôi có xem phần trả lời qua thư điện tử của Cục giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chất lượng cho hòm thư bạn đọc haitk266@gmail.com về việc biên bản nghiệm thu công việc xây dựng kèm theo phụ lục khối lượng công việc. Về việc này tôi không đồng ý với ý kiến của Cục giám định “Việc đưa nghiệm thu khối lượng vào Biên bản nghiệm thu công việc theo mẫu Phụ lục 4A của Nghị định 209/2004/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng là trái với quy định” vì những lý do sau:

1. Trong quá trình thi công thực tế tại hiện trường, việc tính toán khối lượng chính xác để nghiệm thu thanh toán khi lập biên bản 4A là rất khó thực hiện vì vậy Nghị định 209/2004/NĐ-CP không bắt buộc phải có phụ lục khối lượng đi kèm, tuy nhiên việc nhà thầu và Chủ đầu tư vẫn có thể lập phụ lục khối lượng này phù hợp với bản vẽ hoàn công chi tiết công việc thực hiện. Việc kèm theo phụ lục khối lượng nghiệm thu tại biên bản số 4A là không bắt buộc chứ không phải hoàn toàn trái với quy định.

2. Trong trường hợp Hợp đồng thực hiện theo hình thức Chỉ định thầu có giá điều chỉnh theo thời điểm nghiệm thu thanh toán thì việc xác định khối lượng hoàn thành tại thời điểm nghiệm thu là rất cần thiết và phù hợp với điều kiện hợp đồng, tránh tình trạng thời điểm nghiệm thu đã diễn ra ở giai đoạn trước khá lâu mới lập hồ sơ thanh toán giai đoạn và xác định khối lượng thanh toán tại thời điểm thanh toán. Trong tình huống này rất có thể đẩy giá trị công trình lên rất lớn do điều chỉnh chế độ chính sách của Nhà nước và tình hình biến động giá lớn như hiện nay”.

Trả lời:

1. Biên bản nghiệm thu công việc được lập theo mẫu Phụ lục 4A của Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính Phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng nhằm “đánh giá sự phù hợp của công việc xây dựng và việc lắp đặt thiết bị so với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng và tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật - điểm c khoản 2 Điều 24 của Nghị định 209/2004/NĐ-CP”. Như đã trả lời công dân, địa chỉ Email (haitk266@gmail.com) “**Để thanh toán khối lượng thì kèm theo mỗi biên bản nghiệm thu công việc là phải có bản vẽ hoàn công công việc - khoản 6 mục B của phụ lục 3 Thông tư 12/2005/TT-BXD ngày 15/7/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng).** Dựa vào

bản vẽ hoàn công nhà thầu thi công có thể tính toán khối lượng để thanh toán”.

Chính vì vậy mà trong Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng không có nội dung nghiệm thu khối lượng. Đây là mẫu của Nghị định do Chính phủ ban hành bởi vậy “Việc đưa nghiệm thu khối lượng vào Biên bản nghiệm thu công việc theo mẫu Phụ lục 4A của Nghị định 209/2004/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng là trái với quy định”.

Nghị định 209/2004/NĐ-CP cũng không quy định phải có Phụ lục khối lượng kèm theo Biên bản nghiệm thu. Bởi vậy “việc nhà thầu và Chủ đầu tư vẫn có thể lập phụ lục khối lượng này phù hợp với bản vẽ hoàn công chi tiết công việc thực hiện” là việc thỏa thuận giữa nhà thầu thi công xây dựng với chủ đầu tư trong hợp đồng thi công xây dựng.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm nghiệm thu kịp thời khi có Phiếu yêu cầu nghiệm thu của Nhà thầu thi công xây dựng. Theo quy định tại Thông tư 130/2007/TT-BTC ngày 02/11/2007 của Bộ Tài chính “Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước” thì:

“Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước, bao gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng (Quy định tại phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng hoặc văn bản bổ sung thay thế, nếu có);

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

- Chứng từ chuyển tiền.

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, chủ đầu tư gửi Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (Quy định tại phụ lục số 4 kèm theo Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng hoặc văn bản bổ sung thay thế, nếu có).

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

03/01/2008

CÂU HỎI 5: NHỮNG BIÊN BẢN CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI KÝ

Câu hỏi:

Công dân Tích Thiện, địa chỉ Email (tichthienevn@gmail.com) hỏi: “Đối với những công trình xây dựng mà chủ đầu tư không có chức năng thi công và giám sát công trình, chủ đầu tư đã tổ chức đấu thầu tuyển chọn nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu giám sát thi công (hai nhà thầu này hoàn toàn độc lập nhau). Như vậy, trong hồ sơ nghiệm thu, chủ đầu tư sẽ phải ký những loại giấy tờ nào? (Ví dụ: biên bản xác nhận vật tư đã lắp, bản xác nhận nguồn gốc xuất xứ vật tư thiết bị, bản vẽ hoàn công, ...)”.

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 90 của Luật Xây dựng, nhà thầu giám sát thi công xây dựng có nghĩa vụ “Thực hiện công việc giám sát theo đúng hợp đồng đã ký kết”. Trên cơ sở Điều 20 của Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng, Chủ đầu tư phải nêu rõ những công việc mà Nhà thầu giám sát thi công phải thực hiện trong hợp đồng giám sát thi công xây dựng. Nếu thực hiện đúng như vậy thì chủ đầu tư chỉ phải ký vào những loại giấy tờ sau:

- Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng;
- Biên bản nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng;
- Báo cáo sự cố xảy ra tại công trình đang thi công xây dựng;
- Các loại giấy tờ khác phục vụ cho việc thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính (Thông tư 27/2007/TT-BTC, Thông tư 130/2007/TT-BTC, Thông tư 33/2007/TT-BTC và Thông tư 98/2007/TT-BTC) và của Bộ Xây dựng (Thông tư 06/2007/TT-BXD).

Nhà thầu giám sát thi công xây dựng có trách nhiệm ký vào biên bản xác nhận vật tư đã lắp, bản xác nhận nguồn gốc xuất xứ vật tư thiết bị, bản vẽ hoàn công, các biên bản nghiệm thu khác ngoài các biên bản chủ đầu tư đã ký.

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

25/08/2008

CÂU HỎI 6: VỀ VIỆC LÀM RÕ TRÁCH NHIỆM CỦA TƯ VẤN GIÁM SÁT KHI XÁC NHẬN CÁC PHỤ LỤC NÊU TẠI THÔNG TƯ SỐ 06/2007/TT-BXD

Văn bản số 56/TT-CV ngày 20/6/2008 của Trung tâm khoa học và triển khai kỹ thuật thủy lợi (thuộc Trường Đại học Thủy lợi), địa chỉ Email (viethung.cra@wru.vn) hỏi:

“Hiện nay Trung tâm chúng tôi đang tiến hành một số gói thầu Tư vấn giám sát Thi công Xây dựng trên địa bàn cả nước. Chúng tôi hiểu nhiệm vụ của Tư vấn giám sát được quy định trong Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 và Nghị định 209/2004/NĐ-CP, bao gồm cả việc Tư vấn giám sát thi công và nghiệm thu. Cụ thể: TVGS có trách nhiệm giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong thi công xây dựng công trình. Có nghĩa là TVGS không giám sát về giá và không ký, đóng dấu vào Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán.

Tuy nhiên sau khi Thông tư số 06/2007/TT-BXD về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng, trong đó có các phụ lục 1 là: Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán; Phụ lục 2: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng; Phụ lục 3: Bảng xác định đơn giá điều chỉnh theo quy định của hợp đồng; Phụ lục 4: Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng. Trong các phụ lục này ở phần xác nhận ghi là đại diện Bên nhận thầu, đại diện Bên giao thầu hoặc đại diện Nhà tư vấn (nếu có).

Chúng tôi hiểu nhà thầu tư vấn ở các phụ lục ở các phụ lục trên là đơn vị tư vấn thẩm định giá, không thuộc nhiệm vụ của đơn vị tư vấn giám sát thi công. Nhưng hiện nay rất nhiều Chủ đầu tư hiểu ngược lại. Vì vậy xin quý Cục giúp chúng tôi hiểu rõ vấn đề này”.

Trả lời:

Nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình có nghĩa vụ thực hiện theo các quy định nêu tại khoản 2 Điều 90 Luật Xây dựng, trong đó có nghĩa vụ “Thực hiện công việc giám sát theo đúng hợp đồng đã ký kết”.

Nếu nội dung hợp đồng chỉ thỏa thuận thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 87 của Luật Xây dựng là “Việc giám sát thi công xây dựng công trình phải được thực hiện để theo dõi, kiểm tra về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong thi công xây dựng công trình” thì nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng có trách nhiệm ký xác nhận khối lượng đã thực hiện và khối lượng phát sinh do nhà thầu thi công xây dựng thực hiện. Nhà thầu tư vấn

không xác nhận giá trị (tiền) của các khối lượng trong các biên bản nêu tại Phụ lục số 2 và Phụ lục số 4 của Thông tư 06/2007/TT-BXD.

Nếu nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng có đủ điều kiện, năng lực nêu tại Điều 18 của Nghị định 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và trong hợp đồng có giao - nhận công việc kiểm tra định mức, đơn giá, giá thành thì có trách nhiệm ký xác nhận vào các biên bản nêu tại Phụ lục số 1, Phụ lục số 2, Phụ lục số 3 và Phụ lục số 4 của Thông tư 06/2007/TT-BXD.

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

17/10/2008

CÂU HỎI 7: QUYỀN GIÁM SÁT TÁC GIẢ

2008-12-08 14:59:50.606

Câu hỏi:

Bạn Lâm Trần Tài Lộc Tại hòm thư tailoctl@gmail.com hỏi :

“Vừa qua tôi có thiết kế dự án chi nhánh của ngân hàng SACOMBANK. Hiện giờ công trình đang chuẩn bị thử tĩnh tải cọc khoan nhồi. Vậy “Với tư cách là giám sát tác giả, tôi có trách nhiệm có mặt tại công trường 24/24 trong suốt thời gian thử tĩnh cọc không (do đơn vị Tư vấn giám sát cùng Chủ đầu tư yêu cầu phải có mặt, công trình không có đơn vị Quản lý dự án)? Và nếu tôi có mặt thì tôi ký vào biên bản với tư cách là Giám sát tác giả hay chỉ là người chứng kiến? Tôi có thẩm quyền ra quyết định dừng công tác thử tĩnh không khi cọc gặp sự cố (sụt lún đột ngột, lún quá quy định, cọc phá hoại...)?”.

Trả lời:

Công tác giám sát tác giả được thực hiện theo qui định tại Điều 22 Nghị định 209/2004/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình cử người có đủ năng lực để thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng theo chế độ giám sát không thường xuyên, trừ trường hợp thi công các kết cấu, các bộ phận, hạng mục công trình được thiết kế theo công nghệ mới, tiên tiến và đối với các giai đoạn thi công hoàn thiện. Trong trường hợp cụ thể trên nhà thầu tư vấn thiết kế thực hiện theo yêu cầu của chủ đầu tư trên cơ sở thỏa thuận và quy định cụ thể trong hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thiết kế và người giám sát tác giả của nhà thầu tư vấn thiết kế ký vào biên bản nghiệm thu công việc thử tĩnh tải cọc với tư cách là giám sát tác giả.

Trường hợp gặp sự cố khi thử tĩnh tải cọc nhà thầu Tư vấn thiết kế không có thẩm quyền dừng thử tải, nhưng có trách nhiệm lập văn bản thông báo cho chủ đầu tư để có biện pháp xử lý kịp thời.

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

CÂU HỎI 8: CÔNG TÁC LẬP BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Câu hỏi của bạn Nguyễn Thị Kim Quỳnh Tại hòm thư ntkq1980@yahoo.com hỏi :

Trong quá trình thực hiện dự án, CĐT có hợp đồng với các đơn vị Tư vấn giám sát, chứng nhận chất lượng, Thi công... Tuy nhiên, trong quá trình thi công CĐT phát hiện hồ sơ nghiệm thu công trình không được lập đầy đủ theo quy định, không có biên bản nghiệm thu công việc (có BBNT nội bộ nhà thầu và phiếu yêu cầu nghiệm thu). Tư vấn giám sát cho rằng việc lập biên bản nghiệm thu là trách nhiệm của Nhà thầu nên việc không có BBNT công việc là lỗi của Nhà thầu. Nhà thầu lại cho rằng việc lập BBNT công việc là trách nhiệm của TVGS nên việc không lập biên bản sau khi công việc đã được nghiệm thu là lỗi của TVGS (theo điều 18, NĐ209/2004/NĐCP thì các hồ sơ chuẩn bị công tác nghiệm thu không có BBNT công việc). Vậy kính mong Bộ Xây dựng cho ý kiến giúp tôi giải quyết khó khăn nêu trên để công trình được thi công và hoàn thành theo đúng quy định.

Sau khi nghiên cứu, Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng có ý kiến như sau:

Các biên bản nghiệm thu được lập theo điều 24, 25, 26 Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng xây dựng và khoản 5, 6, 7 điều 1 Nghị định 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định 209/2004/NĐ-CP. Biên bản nghiệm thu là cơ sở đánh giá chất lượng công trình có đảm bảo yêu cầu thiết kế hay không, phục vụ công tác lưu trữ và cũng là cơ sở giúp nhà thầu thi công xây dựng trong công tác thanh quyết toán công trình.

Do đó việc lập biên bản nghiệm thu là trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu tư vấn giám sát có trách nhiệm giám sát và ký xác nhận công tác thi công đúng theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt./.

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

CÂU HỎI 9: HƯỚNG DẪN GHI NHẬT KÝ THI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Câu hỏi:

Công dân Nguyễn Cường, địa chỉ Email (cuongnstkv@gmail.com) hỏi: “Tôi công tác ở Ban quản lý dự án, trong quá trình thực hiện ghi nhật ký thi công công trình chúng tôi đã thực hiện ghi nhật ký thi công theo hướng dẫn được quy định tại Điểm 3.4, khoản 3, phần II của Thông tư 12/2005/TT-BXD ngày 15/7/2005 của Bộ Xây dựng. Nhưng Nhật ký chung cho công trình có nhiều ý kiến khác nhau, có ý kiến cho rằng ghi theo hướng dẫn tại phụ lục I của TCVN ISO 4055 : 1985”.

Trả lời:

Theo hướng dẫn tại điểm 3.4 và điểm 3.5 khoản 3 mục II của Thông tư 12/2005/TT-BXD ngày 15/7/2008 của Bộ Xây dựng “Hướng dẫn một số nội dung về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng” sổ nhật ký thi công xây dựng công trình được lập thành 1 quyển trong đó chia làm hai phần: phần của nhà thầu thi công xây dựng công trình và phần của Chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư và giám sát tác giả thiết kế. Sổ nhật ký thi công xây dựng công trình được đánh số trang, đóng dấu giáp lai của nhà thầu thi công xây dựng.

Nhà thầu thi công xây dựng công trình ghi vào Phần thứ nhất của nhật ký thi công xây dựng công trình các nội dung: danh sách cán bộ kỹ thuật của nhà thầu tham gia xây dựng công trình (chức danh và nhiệm vụ của từng người); diễn biến tình hình thi công hàng ngày, tình hình thi công từng loại công việc, chi tiết toàn bộ quá trình thực hiện; mô tả vắn tắt phương pháp thi công; tình trạng thực tế của vật liệu, cấu kiện sử dụng; những sai lệch so với bản vẽ thi công, có ghi rõ nguyên nhân, kèm theo biện pháp sửa chữa; nội dung bàn giao của ca thi công trước đối với ca thi công sau; nhận xét của bộ phận quản lý chất lượng tại hiện trường về chất lượng thi công xây dựng. Phần nhật ký của nhà thầu thi công xây dựng có thể lập theo mẫu Phụ lục 1 của “TCVN 4055-1985-Tổ chức thi công”.

Chủ đầu tư và nhà thầu giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư, giám sát tác giả thiết kế ghi vào Phần thứ hai của sổ nhật ký thi công xây dựng theo các nội dung: danh sách và nhiệm vụ, quyền hạn của người giám sát; kết quả kiểm tra và giám sát thi công xây dựng tại hiện trường; những ý kiến về xử lý và yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng khắc phục hậu quả các sai phạm về chất lượng công trình xây dựng; những thay đổi thiết kế trong quá trình thi công.

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

07/04/2008

CÂU HỎI 10: HIỂU VỀ BỘ PHẬN GIÁM SÁT THI CÔNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ:

Công dân Ha Can, địa chỉ Email (canmanhha@gmail.com) hỏi:

“1. Tại điều 24,25 thì thành phần trực tiếp NT gồm 2 bên, trong đó có "bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của Chủ đầu tư" và "người phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp của nhà thầu thi công xây dựng công trình": Vậy cần phải hiểu nội dung "bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của Chủ đầu tư" là như thế nào?

a. Nếu hiểu "bộ phận giám sát thi công XDCT của Chủ đầu tư" là bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi dự án bên phía Chủ đầu tư - thì trong điều 24,25 đều không có mặt nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình. Trong khi đó, theo quy định thì nhà thầu giám sát thi công XDCT đều phải ký xác nhận vào các biên bản nghiệm thu công việc XD, bộ phận XD và công trình XD (tùy từng nội dung mà người ký nhận là giám sát viên, giám sát trưởng hay người đại diện theo pháp luật của nhà thầu giám sát thi công)

b. Nếu hiểu "bộ phận giám sát thi công XDCT của Chủ đầu tư" là nhà thầu TVGS của Chủ đầu tư thì mâu thuẫn với điều 26 vì thành phần tham gia NT tại điều 26 lại bao gồm cả "bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của Chủ đầu tư" và "bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình".

2. Vai trò của đơn vị Tư vấn quản lý dự án trong các công tác nghiệm thu trên”.

Trả lời:

1. Trước hết cụm từ “bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư” chỉ sử dụng tại Điều 25 và Điều 26 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Theo quy định tại các khoản 11, 12, 13 Điều 1 của Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình thì Người quyết định đầu tư quyết định hình thức quản lý dự án:

Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án thì chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án để giúp chủ đầu tư làm đầu mối quản lý dự án. Bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư được hiểu đối với hai trường hợp cụ thể như sau:

- Ban quản lý dự án chỉ thực hiện giám sát thi công xây dựng khi có đủ điều kiện năng lực giám sát thi công xây dựng theo quy định tại Điều 62 của Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/ 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây

dựng. Đối với trường hợp này thì Bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư chính là Ban quản lý dự án. Người ký Biên bản nghiệm thu theo mẫu Phụ lục 5A và Phụ lục 7 là Trưởng phòng giám sát thi công xây dựng hoặc Trưởng phòng quản lý chất lượng (QA/QC) của Ban quản lý dự án.

- Khi Ban quản lý dự án không có đủ điều kiện năng lực giám sát thi công xây dựng theo quy định tại Điều 62 của Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 **thì phải thuê nhà thầu giám sát thi công xây dựng. Đối với trường hợp này thì Bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư chính là Nhà thầu giám sát thi công xây dựng.** Người ký Biên bản nghiệm thu theo mẫu Phụ lục 5A là Trưởng đoàn tư vấn giám sát hoặc Đội trưởng đội giám sát hoặc tổ trưởng tổ giám sát của nhà thầu giám sát thi công xây dựng (người được Nhà thầu giám sát thi công xây dựng ủy quyền quản lý toàn bộ nhân lực giám sát tại hiện trường).

Theo các quy định đã dẫn thì Chủ đầu tư không được khoán trắng công tác quản lý chất lượng cho Ban quản lý dự án hoặc Tư vấn quản lý dự án đặc biệt khi Ban quản lý dự án hoặc Tư vấn quản lý dự án thuê tư vấn quản lý, giám sát mà Chủ đầu tư “có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án” và “vẫn phải sử dụng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ máy của mình hoặc chỉ định đầu mối để kiểm tra, theo dõi việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý dự án”. Chính vì vậy mà **khi nghiệm thu công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng thì ngoài nhà thầu giám sát thi công xây dựng thì phải có bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư**. Người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng của Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu theo mẫu Phụ lục 7 khi này là Giám đốc Ban quản lý dự án hoặc Giám đốc quản lý dự án.

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

12/02/2008

CÂU HỎI 11: NHIỆM VỤ CỦA GIÁM SÁT TÁC GIẢ

Công dân Trần Quốc Trung, địa chỉ Email (tranquoctrungksxd@yahoo.com.vn) hỏi: "Xin cho biết rõ về "quyền và nghĩa vụ" của giám sát tác giả. Trong trường hợp đơn vị tư vấn thiết kế không cử cán bộ xuống công trình để giám sát tác giả thì có được không? Chủ đầu tư có quyền yêu cầu bắt buộc phải giám sát tác giả không?".

Trả lời:

1. Nhà thầu thiết kế trong việc thi công xây dựng công trình có nghĩa vụ được theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 77 của Luật Xây dựng. Cũng theo quy định tại khoản 28 Điều 3 của Luật Xây dựng thì "Giám sát tác giả là hoạt động giám sát của người thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình nhằm bảo đảm việc thi công xây dựng theo đúng thiết kế", bởi vậy nhà thầu thiết kế không được thuê tổ chức thiết kế khác không trực tiếp thiết kế để thực hiện giám sát tác giả.

2. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 57 của Luật Xây dựng thì khi nhà thầu thiết kế không thực hiện nghĩa vụ giám sát tác giả thì chủ đầu tư có quyền "Yêu cầu nhà thầu thiết kế thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết". Nếu nhà thầu thiết kế cũng vẫn không thực hiện theo yêu cầu của chủ đầu tư thì căn cứ điểm d khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng mà chủ đầu tư có thể xử lý: hủy bỏ hợp đồng, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có) do không giám sát tác giả...

3. Nhà thầu thiết kế có những quyền hạn và nghĩa vụ khi thực hiện giám sát tác giả được quy định tại Điều 77 của Luật Xây dựng và Điều 22 của Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và khoản 3.5 mục III của thông tư 12/2005/TT-BXD ngày 15/7/2005 của Bộ Xây dựng "Hướng dẫn một số nội dung về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng".

Việc giám sát tác giả không lập báo cáo nhưng kết quả việc thực hiện phải được ghi trong sổ nhật ký thi công xây dựng để làm cơ sở để cơ quan kho bạc, tài chính thanh toán cho chí phí giám sát tác giả. Và điều cần lưu ý là "Người được nhà thầu thiết kế cử thực hiện nhiệm vụ giám sát tác giả phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi vi phạm của mình trong quá trình thực hiện nghĩa vụ giám sát tác giả và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra".

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

13/02/2008

CÂU HỎI 12: THAM GIA NGHIỆM THU CỦA NHÀ THẦU THIẾT KẾ

Câu hỏi:

Công dân, địa chỉ Email (trule75@yahoo.com.vn) hỏi:

“- Tôi là tác giả tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, tôi có thiết kế 01 công trình thuộc nguồn vốn nhà nước, tôi đã tham gia nghiệm thu các bước từ khâu định vị công trình cho đến nghiệm thu công trình đưa vào. Như vậy tôi còn phải tham gia nghiệm thu gì nữa không?

- Chủ đầu tư có mời tôi tham gia nghiệm thu công trình hết thời gian bảo hành của nhà thầu xây dựng bảo hành chất lượng xây dựng công trình với chủ đầu tư (sao 01 năm kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng). Như vậy tôi phải tham gia nghiệm thu theo lời mời của chủ đầu tư không? Nếu tham gia thì tại sao phải tham gia? Còn không tham gia thì tại sao? Tác giả thiết kế công trình tham gia nghiệm thu từng cấu kiện, giai đoạn nào của công trình?”.

Trả lời:

1. Nhà thầu thiết kế có nghĩa vụ thực hiện việc giám sát tác giả và trách nhiệm tham gia nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 3 mục I của Thông tư số 12/2005/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Các thời điểm mà Nhà thầu thiết kế tham gia nghiệm thu công trình xây dựng (nếu có yêu cầu của Chủ đầu tư) phải được ghi rõ trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư với Nhà thầu thiết kế.

2. Khi hết thời hạn bảo hành công trình, nếu chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu chất lượng công trình có mời nhà thầu thiết kế thì nhà thầu thiết kế tham gia. Nếu cần chi phí thì hai bên cùng thỏa thuận. Nếu công việc này đã ghi trong hợp đồng thiết kế thì nhà thầu thiết kế phải thực hiện theo hợp đồng.

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

18/03/2008

CÂU HỎI 13: VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG

Câu hỏi:

Công dân Nguyễn Nghĩa Thông, địa chỉ Email (tuvansongtien@vnn.vn) hỏi:
“Công ty thực hiện gói thầu Tư vấn giám sát công trình thuộc dự án nhóm C. Trong gói thầu này, Công ty chúng tôi có thành lập 01 tổ giám sát gồm 03 thành viên, trong đó Người phụ trách tổ giám sát (Giám sát trưởng) có trình độ Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ hành nghề giám sát do Bộ xây dựng cấp, 02 thành viên còn lại (Giám sát hiện trường) có trình độ Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát. Trong tổ giám sát có phân công cụ thể trách nhiệm của từng thành viên, Giám sát trưởng chịu trách nhiệm điều hành chung và ký các biên bản nghiệm thu bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng..., các giám sát hiện trường trực tiếp theo dõi quá trình thi công hằng ngày, ghi chép nhật ký công trình và ký các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng như quy định của Nghị định 209/2004/NĐ-CP. Như vậy chúng tôi có vi phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, cũng như vi phạm Nghị định 16/2005/NĐ-CP về hành nghề giám sát không?”.

Trả lời:

Theo quy định tại mục 3 điều 48 nghị định số 16/2005/NĐ-CP của Chính phủ “Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát thi công xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định”. Như vậy, về nguyên tắc, người thực hiện công việc giám sát thi công xây dựng chịu trách nhiệm ký các biên bản nghiệm thu theo quy định tại các điều 24,25,26 của Nghị định 209/2004/NĐ-CP phải có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng. Việc công ty thành lập tổ giám sát trong đó có những cá nhân có trình độ Đại học chuyên ngành phù hợp, đã học qua lớp bồi dưỡng tư vấn giám sát thì những cá nhân này **chỉ được tham gia công việc với tư cách là người giúp việc** cho giám sát viên, không có quyền ký biên bản nghiệm thu công theo quy định tại các điều 24, điều 25, điều 26 của Nghị định 209/2004/NĐ-CP. Các biên bản nghiệm thu này phải do người giám sát thi công xây dựng có chứng chỉ hành nghề ký và chịu trách nhiệm.

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

CÂU HỎI 14: VẤN ĐỀ QUY ĐỊNH VỀ BẢN GỐC, BẢN CHÍNH, BẢN SAO VÀ SỐ LƯỢNG HỒ SƠ HOÀN CÔNG

Câu hỏi:

Công dân Ngô Minh Tiến, địa chỉ Email (minhtienktb495@yahoo.com.vn) hỏi: “Khi hoàn thành công trình (từ cấp III trở xuống theo phân cấp tại Nghị định 209/2004/NĐ-CP) số bộ hồ sơ hoàn công nhà thầu phải lập là bao nhiêu bộ gốc, bao nhiêu bộ sao? Quy định về bản gốc, bản sao như thế nào là đúng, bản phô tô chữ ký nhưng đóng đủ con dấu của các thành phần tham gia có phải là bản gốc không? Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu xây dựng nộp nhiều hơn số bộ hồ sơ hoàn công theo quy định không? (cụ thể riêng chủ đầu tư yêu cầu 4 bộ cho các phòng ban của chủ đầu tư)”.

Trả lời:

- Về số lượng hồ sơ hoàn công không được quy định ở các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Tuy nhiên khi ký hợp đồng thi công xây dựng, chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng cần thống nhất số lượng hồ sơ hoàn công mà các tổ chức sau cần phải có: chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình, nhà thầu thi công xây dựng, cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư; cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán; cơ quan lưu trữ theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2006/TT-BXD ngày 17/5/2006 của Bộ Xây dựng “Hướng dẫn lưu trữ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình xây dựng”.

- Về quy định về bản gốc, bản chính, bản sao hồ sơ hoàn công

Điều 2 ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư quy định như sau:

Khoản 2: "Bản gốc văn bản" là bản thảo cuối cùng được người có thẩm quyền duyệt;

Khoản 3: "Bản chính văn bản" là bản hoàn chỉnh về nội dung và thể thức văn bản được cơ quan, tổ chức ban hành. Bản chính có thể được làm thành nhiều bản có giá trị như nhau;

Khoản 4: "Bản sao y bản chính" là bản sao đầy đủ, chính xác nội dung của văn bản và được trình bày theo thể thức quy định. Bản sao y bản chính phải được thực hiện từ bản chính.

Về việc "bản phô tô chữ ký nhưng đóng đủ con dấu của các thành phần tham gia có phải là bản gốc không?". Như đã nêu, bản gốc văn bản là bản thảo cuối cùng được người có thẩm quyền duyệt. Như vậy, hồ sơ hoàn công có chữ ký phô tô không phải là bản thảo cuối cùng được những người có thẩm quyền trong quá trình

thi công xây dựng ký. Vì thế, hồ sơ hoàn công có chữ ký phôtô, dấu đỏ không được coi là bản gốc.

Theo quy định trên thì hồ sơ hoàn công gồm bản gốc, các bản chính và các bản sao. Thể thức hồ sơ thanh toán và trình duyệt quyết toán được nêu tại các văn bản của Bộ Tài chính:

- Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 3/4/2007 "Hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước".

- Thông tư 130/2007/TT-BTC ngày 02/11/2007 "Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước".

- Thông tư 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 "Hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước".

- Thông tư 98/2007/TT-BTC ngày 09/8/2007 "Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước".

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

04/07/2008

CÂU HỎI 15: GIẢI THÍCH NỘI DUNG MỤC D KHOẢN 1 ĐIỀU 24 CỦA NGHỊ ĐỊNH 209/2004/NĐ-CP

Câu hỏi:

Công dân, địa chỉ Email (ktgs.upc@gmail.com) hỏi: “Trong nghị định 209/2004/NĐ-CP, Điều 24 khoản 1 mục (d): “Tài liệu viện dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng” được hiểu như thế nào là đúng?”.

Trả lời:

1. Mục d khoản 1 Điều 24 của Nghị định 209/2004/NĐ-CP quy định một trong những căn cứ để nghiệm thu công việc xây dựng trong quá trình thi công xây dựng công trình và có nội dung: “Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng”; bạn đọc viết: “Tài liệu viện dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng” là chưa chính xác.

2. Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng ở đây được hiểu là những yêu cầu kỹ thuật hay điều kiện kỹ thuật chỉ dẫn trong hợp đồng được hai bên A và B cùng chấp thuận để phục vụ công tác nghiệm thu các đối tượng nghiệm thu.

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

30/09/2008